

Bản án số: **179/2026/HS-PT**

Ngày: 09 - 6 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Phú**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Bà **Đỗ Thị Thuý Năng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Thái Ngọc Nhật** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phan Ngọc Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 131/2026/TLPT-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo **Ngô Văn K** cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo **Ngô Văn K**, **Bùi Thị Thùy N** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2026/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đà Nẵng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Ngô Văn K**, sinh ngày 20/4/2003 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: **Tổ F, phường L, thành phố Đà Nẵng**; giới tính: nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Ngô Văn S** (sinh năm 1966) và bà **Đoàn Thị Mỹ T** (sinh năm 1970); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 03/02/2021, bị **Công an quận H**, TP.Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền: 2.500.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng mà có mang theo các loại vũ khí thô sơ”.

Bị cáo bị bắt ngày 18/9/2025 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - **Công an thành phố Đ**. Có mặt tại phiên tòa

2. **Bùi Thị Thùy N**, sinh ngày 01/01/2003 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: **Tổ E, phường H, thành phố Đà Nẵng**; giới tính: nữ; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Bùi Đức H** (sinh năm 1960) và bà **Hồ Thị H1** (sinh năm 1962); Gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ ba; bị cáo có 01 con, sinh: 07/02/2023; tiền án: không;

Tiền sự: ngày 13/01/2025, bị **Công an phường M, quận N** xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền: 1.500.000 đồng, về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo: **Lê Trần Anh Q**, **Phạm Văn H2**, Nguyễn Thị Như Ý không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 18/9/2025, Lê Trần Anh Q, Phạm Văn H2, Ngô Văn K, Bùi Thị Thùy N, Nguyễn Thị Như Q1 và đối tượng tên H3 (chưa rõ lai lịch, bạn của Q1) đang ngồi nhậu tại quán Z1 (đường P, phường A, TP.Đà Nẵng) thì Q khởi xướng rủ H2, K sử dụng trái phép chất ma túy thì H2 và K đồng ý và thống nhất Q, H2, K sẽ góp tiền để trả các chi phí liên quan đến việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tiếp đến, H2, K rủ N; K rủ Q1 đi sử dụng ma túy thì N, Q1 đồng ý rồi Q1 rủ H3 đi cùng.

Để có ma túy cho cả nhóm tổ chức sử dụng, H2 liên hệ với 01 đối tượng tên Duy K1 (không rõ lai lịch) thông qua ứng dụng Z hỏi mua 01 chỉ ma túy ketamine, với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, H2 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu MG, màu trắng, số loại MG5, BKS: 43A-869.56 chở cả nhóm đến khu vực trên đường N, phường N, TP.Đà Nẵng (không nhớ chính xác vị trí) để H2 lấy ma túy, để lại số tiền 2.000.000 đồng. Tiếp đó, H2 liên hệ với chị Nguyễn Thị D (SN: 1997; trú: phòng 2019, căn hộ H, phường S, TP.Đà Nẵng) có tài khoản zalo “Lucky” để thuê 02 phòng tại căn hộ H4, địa chỉ: số A đường L, phường S, TP.Đà Nẵng với giá 800.000 đồng/ngày (H2 chưa trả tiền phòng). Còn Q nói N liên hệ thuê loa đèn, N đồng ý và liên hệ với một đối tượng (không rõ lai lịch) có tài khoản Facebook “T” thuê loa đèn với giá 600.000 đồng. Sau khi đến căn hộ Hòa Bình G, Q, H2, N nhận phòng 1901; Khoa, Q1, H3 nhận phòng 1041.

Sau khi nhận phòng, N xuống nhận loa đèn do anh Nguyễn Thành T1 (làm nghề shipper) giao đến rồi mang lên phòng 1901, Q chuyển khoản trả tiền thuê loa đèn. Tại phòng 1901, Q và H2 cắm loa đèn, H2 sử dụng 01 điện thoại di động hiệu iPhone 14 Pro Max, màu tím kết nối loa mở nhạc; Khoa sử dụng 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 Plus nhắn tin cho Q để hỏi số phòng, rồi Q xuống dẫn K, Q1, H3 lên phòng 1901. Tại đây, H2 đổ một ít ma túy ketamine ra đĩa thủy tinh hình tròn (có sẵn trong phòng) đưa cho Q. Q lấy thẻ nhựa màu trắng đỏ có số “19-01” (là thẻ phòng) xào chẻ, đồng thời đưa tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cho Q1 để quán thành ông hút, cố định bằng 03 vỏ đầu lọc thuốc lá. Sau đó, Q để đĩa ma túy có ông hút trên giường, ai dùng thì tự lấy sử dụng. H2 lấy sử dụng rồi đưa cho Q1 sử dụng. Sau khi sử dụng hết ma túy trên đĩa, H2 đổ tiếp một ít ma túy ra đĩa thủy tinh, lấy thẻ nhựa xào chẻ ma túy rồi để trên bàn, ai dùng thì tự lấy sử dụng. Trong quá trình sử dụng ma túy, Q1 có sử dụng 01 điện thoại di động iPhone 13 Pro Max kết nối loa mở nhạc để cả nhóm sử dụng ma túy. Riêng H3 nằm ngủ, không tham gia sử dụng ma túy và bỏ về trước.

Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 18/9/2025, trong lúc cả nhóm gồm Phạm Văn H2, Lê Trần Anh Q, Ngô Văn K, Nguyễn Thị Như Q1 và Bùi Thị Thùy N đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 1901 căn hộ H4, địa chỉ số A đường L, phường S, TP.Đà Nẵng thì bị Cơ quan CSĐT Công an TP.Đà Nẵng phát hiện, bắt quả tang.

* Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với: Lê Trần Anh Q, Phạm Văn H2, Ngô Văn K, Nguyễn Thị Như Q1, Bùi Thị Thùy N, kết quả: dương tính với chất ma túy.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2026/HS-ST ngày 20/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Văn K, Bùi Thị Thùy N phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Ngô Văn K 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị

bắt 18/9/2025

- Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Bùi Thị Thùy N** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/3/2026, bị cáo **Ngô Văn K** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 03/4/2026, bị cáo **Bùi Thị Thùy N** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo **Ngô Văn K**, **Bùi Thị Thùy N** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật. Đồng thời, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo **Ngô Văn K** 04 năm 06 tháng tù, bị cáo **Bùi Thị Thùy N** 07 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Ngô Văn K**, **Bùi Thị Thùy N**, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo **Ngô Văn K**, **Bùi Thị Thùy N** có đơn kháng cáo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo **Ngô Văn K**, **Bùi Thị Thùy N** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 18/9/2025, tại phòng **1901 căn hộ H4**, địa chỉ **số A đường L, phường S, TP .**, Cơ quan CSĐT **Công an T2**.Đà Nẵng phát hiện, bắt quả tang **Lê Trần Anh Q**, **Phạm Văn H2**, **Ngô Văn K**, **Nguyễn Thị Như Q1** và **Bùi Thị Thùy N** đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo **Ngô Văn K** tham gia góp tiền để trả các chi phí liên quan đến việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo **Bùi Thị Thùy N** liên hệ thuê loa đèn để cả nhóm tổ chức sử dụng ma túy.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2026/HS-ST ngày 20/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đà Nẵng đã kết án các bị cáo **Ngô Văn K**, **Bùi Thị Thùy N** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo **Ngô Văn K**, **Bùi Thị Thùy N**, thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; riêng đối với bị cáo **Ngô Văn K** áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 đồng thời áp dụng Điều 54 Bộ luật

Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) xử phạt bị cáo **Ngô Văn K** mức hình phạt 04 năm 06 tháng tù, bị cáo **Bùi Thị Thùy N** mức hình phạt 07 năm tù là có căn cứ pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Ngô Văn K**, **Bùi Thị Thùy N**, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo **Ngô Văn K**, **Bùi Thị Thùy N** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Ngô Văn K**, **Bùi Thị Thùy N**, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2026/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đà Nẵng về hình phạt.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo **Ngô Văn K** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 18/9/2025.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo **Bùi Thị Thùy N** 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Các bị cáo **Ngô Văn K**, **Bùi Thị Thùy N** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09/6/2026).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Văn Dũng Đỗ Thị Thúy
Năng**

Huỳnh Văn Phú

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an TP. Đà Nẵng;
- CQ THAHS - Công an TP. Đà Nẵng;
- CQ CSĐT Công an TP Đà Nẵng;
- TAND khu vực 02 – Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 02 – Đà Nẵng;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Phòng THADS khu vực 02 – Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Phú